

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : 04 33 545 735
- Fax : 04 33 542 280

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
 - Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngự	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Việt Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Xuân Thụ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2006
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 9 năm 2015
Ông Vi Giang Khu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tuấn (bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;

CH
C
HÁCH
ỀM
T
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

18
1 N
5 N
NH
10 A
A
A
Đ



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 169/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5-0
HÀ
T
M H
VÀ
& C
HÀ N
- T

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		477.219.509.965	458.895.261.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	168.376.737.626	170.531.208.177
1. Tiền	111		108.376.737.626	90.531.208.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	80.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	12.545.806.365	11.517.908.365
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.476.266.000	17.749.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.930.459.635)	(6.231.091.635)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.362.018.969	229.763.064.593
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	191.887.085.815	204.240.667.171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.710.508.285	20.429.423.074
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	500.000.000	14.012.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	43.814.692.389	15.571.598.330
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85.171.166.517	46.316.274.123
1. Hàng tồn kho	141	V.8	85.171.166.517	46.316.274.123
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.763.780.488	766.806.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	59.480.101	227.319.961
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.562.337.176	539.486.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	141.963.211	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.400.884.972	286.247.308.548
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.185.963.470	20.565.229.577
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	19.185.963.470	19.294.461.680
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	-	1.270.767.897
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86.233.978.659	95.573.717.780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	85.747.358.659	95.087.097.780
<i>Nguyên giá</i>	222		179.138.053.146	180.263.987.602
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(93.390.694.487)	(85.176.889.822)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	486.620.000	486.620.000
<i>Nguyên giá</i>	228		486.620.000	486.620.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	171.171.950
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	171.171.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	210.196.893.145	169.777.174.950
1. Đầu tư vào công ty con	251		215.576.994.720	178.196.994.720
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.380.101.575)	(8.419.819.770)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		784.049.698	160.014.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	784.049.698	160.014.291
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		793.620.394.937	745.142.569.831

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		476.050.289.273	442.271.264.005
I. Nợ ngắn hạn	310		422.668.608.238	383.030.960.333
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	53.147.632.432	113.858.468.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	43.078.514.531	60.577.966.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.798.799.951	26.665.590.651
4. Phải trả người lao động	314		11.469.231.813	15.345.760.881
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15.612.901.456	11.076.422.491
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	85.402.303.898	53.879.166.110
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	193.781.280.215	88.785.167.694
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	4.708.562.688	11.951.469.996
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.669.381.254	890.948.030
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		53.381.681.035	59.240.303.672
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	7.783.336.738	18.907.698.712
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		202.250.000	202.250.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.000.000.000	500.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	5.662.744.784	9.262.744.784
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	38.733.349.513	30.367.610.176
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ
CỔ
CH M
M T
T
WG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		317.570.105.664	302.871.305.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	317.570.105.664	302.871.305.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.652.984.979	67.247.066.956
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.019.543.062	85.726.661.247
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	85.726.661.247
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.019.543.062	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		793.620.394.937	745.142.569.831

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngu

Lê Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	759.606.719.610	924.322.055.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	759.606.719.610	924.322.055.425
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	675.446.671.884	794.885.158.268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.160.047.726	129.436.897.157
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.161.340.124	17.449.056.431
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.055.082.527	21.537.788.330
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.107.883.675	5.431.951.821
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	49.346.867.899	24.031.207.213
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.919.437.424	101.316.958.045
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12.189.986.424	3.001.557.175
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.226.156.222	2.431.216.006
13. Lợi nhuận khác	40		9.963.830.202	570.341.169
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.883.267.626	101.887.299.214
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	7.310.619.564	16.160.637.967
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>51.572.648.062</u>	<u>85.726.661.247</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.883.267.626	101.887.299.214
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	11.549.015.857	13.066.245.301
- Các khoản dự phòng	03		4.114.859.372	32.430.632.434
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	141.033.220
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.847.177.187)	(16.120.280.348)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.107.883.675	5.431.951.821
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.807.849.343	136.836.881.642
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		215.025.820	79.952.509.057
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.854.892.394)	42.811.061.211
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(74.177.484.385)	(19.502.234.856)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(456.195.547)	1.897.613.368
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.969.276.285)	(5.431.847.564)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(14.466.132.425)	(8.355.755.664)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1.436.100.000)	(1.353.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(73.337.205.873)	226.854.727.194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(2.543.615.353)	(8.906.894.411)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		678.831.713	410.681.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.500.000.000)	(17.024.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.012.000.000	3.012.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.380.000.000)	(87.945.221.240)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	18.502.684.091	15.786.299.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.230.099.549)	(94.667.133.916)

PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	273.016.058.063	106.754.743.881
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(171.619.945.542)	(92.541.825.249)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.983.277.650)	(23.240.160.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		78.412.834.871	(9.027.241.768)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.154.470.551)	123.160.351.510
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	170.531.208.177	47.370.856.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	168.376.737.626	170.531.208.177

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngu

Lập ngày 10 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 sáp nhập vào Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.1 theo Nghị quyết số 41/2016/NQ-SĐ11-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty lấy tên là Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11, trụ sở tại xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 12 tháng 12 năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 65/2016/NQ-SĐ11-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2016.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%

PH. M. S. C. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Gle	Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Gle, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện thương phẩm	100%	65,00%	65,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11.1 tại Hòa Bình	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.373 cán bộ nhân viên đang làm việc, trong đó lao động thời vụ là 836 lao động (số đầu năm là 1.419 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

B
N
Đ
S
H
A
C
N
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

5-06
HÀ NỘI
CÔNG TY
M HỮU
VÀ T
C
HÀ NỘI
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- + Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

- + Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

2/6
1 HA
J VA
1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Tráng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TÀI CHÍNH
H. N. M. C.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5% - 5% trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Đ * M.S.C.N *

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

ĐÃ
RÁC
KIỂM
HỒN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.069.111.097	1.113.832.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107.307.626.529	89.417.375.931
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	80.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>168.376.737.626</u>	<u>170.531.208.177</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà				10.000.000.000	5.600.000.000	(4.400.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	5.952.000.000		(267.701.635)	5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	233.610.000	(1.563.390.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội	6.727.266.000	6.681.808.000	(45.458.000)			
Cộng	<u>14.476.266.000</u>		<u>(1.930.459.635)</u>	<u>17.749.000.000</u>		<u>(6.231.091.635)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà giảm do hoán đổi 1.000.000 cổ phiếu tương ứng với 454.545 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (SDFC) vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) theo tỷ lệ 2,2 : 1 (2,2 cổ phiếu SDF hoán đổi thành 01 cổ phiếu MBB). Trong năm, Công ty nhận được cổ tức bằng Cổ phiếu của MB là 22.727 cổ phiếu. Cổ phiếu của MB nắm giữ tại ngày kết thúc năm tài chính là 477.272 cổ phiếu.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(6.231.091.635)	(4.328.350.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(99.368.000)	(1.902.741.635)
Hoàn nhập dự phòng	1.127.266.000	
Sử dụng dự phòng	3.272.734.000	
Số cuối năm	<u>(1.930.459.635)</u>	<u>(6.231.091.635)</u>

00
ANH
TY
HỮU
HÀ T
C
A M
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	47.381.773.480			47.381.773.480		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱⁱ⁾	57.250.000.000	(1.915.824.859)		22.870.000.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.594.689.000	(3.464.276.716)		35.594.689.000	(8.419.819.770)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa ^(iv)	72.350.532.240		73.002.465.000	72.350.532.240		73.002.465.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Gle ^(v)	3.000.000.000					
Cộng	215.576.994.720	(5.380.101.575)		178.196.994.720	(8.419.819.770)	

- (i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 50 tỷ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 56.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 34.380.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương đương 70% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604, ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Gle do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Gle 42.250.000.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND tương đương 7,10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Gle là 39.250.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei mới thành lập, đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đã thực hiện xong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(8.419.819.770)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.915.824.859)	(8.419.819.770)
Hoàn nhập dự phòng	4.955.543.054	
Số cuối năm	<u>(5.380.101.575)</u>	<u>(8.419.819.770)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng		4.179.777.683
Trả tiền gốc vay	4.000.000.000	-
Lãi vay phải trả cho To Buông		312.000.000
Góp vốn điều lệ bằng tiền	34.380.000.000	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	25.994.653.399	56.676.427.637
Cho To Buông vay	500.000.000	

Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long

Giao dịch bán hàng

Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa, bảo hiểm	2.216.851.364	7.169.741.711
Doanh thu cước vận chuyên bị cắt giảm	(304.327.818)	304.327.818
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	544.051.006	579.110.956

Giao dịch mua hàng

Chi phí xây lắp hoàn thành	104.899.099.951	98.044.535.449
----------------------------	-----------------	----------------

Giao dịch khác

Cổ tức được chia	16.886.679.000	14.451.776.705
------------------	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn (Bát Đại Sơn)

Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp tại Bát Đại Sơn		20.000.000.000
---	--	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (Đăk Đoa)		
Lãi cho vay	608.045.178	194.202.400
Cho vay vốn lưu động	8.000.000.000	14.012.000.000
Thu hồi tiền cho vay	22.012.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei		
Góp vốn điều lệ bằng tiền	3.000.000.000	
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	92.493.823.542	44.495.020.055
Tổng Công ty Sông Đà	87.265.346.180	34.060.087.129
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		54.560.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	5.228.477.362	7.551.677.019
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn		2.634.493.507
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa		194.202.400
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	99.393.262.273	159.745.647.116
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	9.575.822.285	
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	8.247.258.373	53.506.104.041
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	7.873.278.985	13.670.493.840
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	5.544.137.066	11.047.417.236
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	14.596.707.858	14.596.707.858
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7	6.536.051.748	7.135.804.784
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	4.943.275.697	10.886.013.616
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Phải thu khách hàng khác	40.750.545.261	47.576.920.741
Cộng	<u>191.887.085.815</u>	<u>204.240.667.171</u>
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.388.064.477	-
Tổng Công ty Sông Đà	9.388.064.477	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	9.797.898.993	19.294.461.680
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	1.936.348.136	6.944.510.305
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	3.078.934.209	2.534.141.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đrinh	4.782.616.648	4.730.622.711
Phải thu khách hàng khác	-	5.085.186.977
Cộng	<u>19.185.963.470</u>	<u>19.294.461.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>1.283.814.716</i>	<i>3.573.263.042</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	1.283.814.716	3.573.263.042
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>3.426.693.569</i>	<i>16.856.160.032</i>
Công ty Cấp điện lực Kevin Việt Nam		7.224.376.237
Công ty Giải pháp Năng lượng Việt		4.291.977.431
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	1.410.508.447	
Các nhà cung cấp khác	2.016.185.122	5.339.806.364
Cộng	4.710.508.285	20.429.423.074

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>500.000.000</i>	<i>14.012.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ		14.012.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	500.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cộng	500.000.000	14.012.000.000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.763.867.188</i>			
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	7.092.116.295			
Tổng công ty Sông Đà	671.750.893			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>36.050.825.201</i>	<i>(695.750.000)</i>	<i>15.571.598.330</i>	
Tạm ứng	19.161.822.353		8.476.679.434	
Phải thu của CBCNV	791.188.056		1.621.963.078	
Phải thu các đội công trình	237.602.788		101.264.642	
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	(695.750.000)	695.750.000	
Phải thu tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	12.586.018.544		1.793.291.869	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	267.337.754		565.763.980	
Ký quỹ	1.791.291.714		48.500.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	519.813.992		2.268.385.327	
Cộng	43.814.692.389	(695.750.000)	15.571.598.330	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	8.171.593.096	2.228.262.186		1.906.576.370	462.702.178
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn			Từ 2 đến 3 năm	1.542.340.593	462.702.178
Tổng Công ty Sông Đà	8.171.593.096	2.228.262.186	Trên 3 năm	364.235.777	-
	<i>Từ 2 đến 3 năm</i>	<i>2.228.262.186</i>			
	<i>Trên 3 năm</i>	<i>744.052.477</i>			
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	29.198.723.831	3.591.787.221		25.898.953.432	2.852.203.642
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội	Trên 3 năm	12.156.428.764	Trên 3 năm	12.156.428.764	
Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Vũ	Trên 3 năm	3.645.678.449	Trên 3 năm	3.645.678.449	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Từ 1 đến 2 năm	1.965.249.110			982.624.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Từ 2 đến 3 năm	3.976.188.479			1.192.856.543
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		7.455.179.029		10.096.846.219	2.852.203.642
Cộng	37.370.316.927	5.820.049.407		27.805.529.802	3.314.905.820

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(24.490.623.982)	(44.701.633.125)
Trích lập dự phòng bổ sung	(14.404.192.342)	(992.034.952)
Hoàn nhập dự phòng	7.344.548.804	21.203.044.095
Số cuối năm	(31.550.267.520)	(24.490.623.982)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.658.626.941		5.426.484.644	
Công cụ, dụng cụ	1.279.912.033		184.634.124	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	68.232.627.543		40.705.155.355	
Cộng	85.171.166.517		46.316.274.123	

9. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn

Là các khoản chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

SỐ
 HI
 CỎ
 NH
 TO
 A
 TẠ
 3 E

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	79.625.169.708	77.797.544.230	22.292.852.755	548.420.909	180.263.987.602
Mua trong năm	2.190.592.153	80.000.000		273.023.200	2.543.615.353
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.594.285.714)	(2.075.264.095)	-	(3.669.549.809)
Số cuối năm	81.815.761.861	76.283.258.516	20.217.588.660	821.444.109	179.138.053.146
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	15.397.350.759	10.779.151.031	471.693.636	27.062.151.433
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.280.359.617	38.396.575.910	18.988.838.989	511.115.306	85.176.889.822
Khấu hao trong năm	3.589.307.399	6.569.419.537	1.349.186.452	41.102.469	11.549.015.857
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.594.285.714)	(1.740.925.478)	-	(3.335.211.192)
Số cuối năm	30.869.667.015	43.371.709.735	18.597.099.963	552.217.774	93.390.694.487
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.344.810.090	39.400.968.320	3.304.013.766	37.305.604	95.087.097.780
Số cuối năm	50.946.094.846	32.911.548.781	1.620.488.697	269.226.335	85.747.358.659
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 15.036.033.720 VND đang được thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hà.

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không thời hạn.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.703.936.097	52.002.941.209
Tổng Công ty Sông Đà		335.085.416
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	1.877.027.469	36.386.738.905
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông		228.372.500
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	6.826.908.628	15.052.744.388

15-
NHÀ
NG
HỆM
N V
&
: HA
A -

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	44.443.696.335	61.855.526.911
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	1.444.875.265	13.668.826.003
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	4.558.568.554	8.368.145.018
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	3.790.357.494	
Công ty TNHH Cấp Điện lực Kevin - Việt Nam	1.444.875.247	
Công ty Cổ phần Thành Long	5.223.112.593	2.620.582.234
Các nhà cung cấp khác	27.981.907.182	37.197.973.656
Cộng	53.147.632.432	113.858.468.120

12b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.303.902.350	1.967.146.200
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long		1.967.146.200
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.303.902.350	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.479.434.388	16.940.552.512
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	1.607.934.880	6.000.712.266
Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Nghi Sơn		1.561.050.947
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	1.307.628.514	1.338.049.898
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	698.819.928	1.198.819.928
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	460.066.175	1.138.959.071
Các nhà cung cấp khác	2.404.984.891	5.702.960.402
Cộng	7.783.336.738	18.907.698.712

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	5.384.718.210	7.130.723.327
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	5.384.718.210	
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông		7.130.723.327
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	37.693.796.321	53.447.243.033
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	14.320.067.554	11.070.999.850
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	13.960.187.719	19.693.703.070
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	1.592.760.354	9.426.399.718
BQL ĐTPT các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	1.273.184.000	4.000.000.000
Ban QLDA nhiệt điện 1	-	5.156.706.008
Công ty TNHH Xây dựng Hòa An	5.000.000.000	
Các khách hàng khác	1.547.596.694	4.099.434.387
Cộng	43.078.514.531	60.577.966.360

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
				Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.339.217.896	16.914.372.890	(20.900.855.520)	4.047.950.981	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.408.486.252	7.310.619.564	(14.466.132.425)	7.252.973.391	
Thuế thu nhập cá nhân	229.581.707	3.070.512.549	(1.424.304.893)	2.017.752.574	(141.963.211)
Thuế tài nguyên	78.137.551	2.281.961.015	(2.106.274.301)	253.824.265	
Thuế bảo vệ môi trường	199.231.960	523.461.240	(496.394.460)	226.298.740	
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.410.935.285	2.978.685.007	(8.389.620.292)	-	
Cộng	26.665.590.651	33.088.612.265	(47.792.581.891)	13.798.799.951	(141.963.211)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.883.267.626	101.887.299.214
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.213.485.957	1.991.215.534
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.213.485.957	1.991.215.534
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	61.096.753.583	103.878.514.748
Thu nhập được miễn thuế	(16.886.679.000)	(14.951.776.705)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	44.210.074.583	88.926.738.043
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>8.842.014.917</i>	<i>19.563.882.369</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i>(1.589.041.527)</i>	<i>(3.573.119.421)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>57.646.174</i>	<i>169.875.019</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>7.310.619.564</u>	<u>16.160.637.967</u>

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp của từng hoạt động trong năm nay như sau:

	<u>Các hoạt động khác</u>	<u>Nhà máy thủy điện Thác Trắng</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.992.852.356	15.890.415.270	58.883.267.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.213.485.957		2.213.485.957
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.213.485.957		2.213.485.957
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	<i>1.937.250.411</i>		<i>1.937.250.411</i>
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	<i>96.000.000</i>		<i>96.000.000</i>
<i>Chi phí khấu hao không được duyệt</i>	<i>75.121.510</i>		<i>75.121.510</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>105.114.036</i>		<i>105.114.036</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Thu nhập chịu thuế	45.206.338.313	15.890.415.270	61.096.753.583
Thu nhập được miễn thuế	(16.886.679.000)		(16.886.679.000)
Thu nhập tính thuế	28.319.659.313	15.890.415.270	44.210.074.583
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>5.663.931.863</i>	<i>3.178.083.054</i>	<i>8.842.014.917</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>		<i>(1.589.041.527)</i>	<i>(1.589.041.527)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>57.646.174</i>		<i>57.646.174</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>5.721.578.037</u>	<u>1.589.041.527</u>	<u>7.310.619.564</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4% trên giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		<i>4.545.454</i>
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà xưởng		4.545.454
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>15.612.901.456</i>	<i>11.071.877.037</i>
Trích trước chi phí các công trình	15.350.067.864	10.731.379.335
Phải trả tiền thuê máy móc phải trả		216.271.500
Chi phí lãi vay phải trả	262.833.592	124.226.202
Cộng	<u>15.612.901.456</u>	<u>11.076.422.491</u>

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		<i>2.254.000.000</i>
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả		2.254.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>85.402.303.898</i>	<i>51.625.166.110</i>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	109.412.351	472.913.689
Kinh phí công đoàn	521.042.551	889.149.946
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000.000	211.794.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.937.227.923	261.190.573
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Phải trả các đội thi công tiền khoán công trình	36.224.084.227	31.091.381.386
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	918.260.306	12.149.127.025
BQLDA các công trình điện Miền Trung (công trình đường dây 500 KV Mỹ Phước- Cầu Bông)	2.638.153.035	
BQLDA các công trình điện Miền Bắc (công trình đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	8.936.394.202	
TCT phát triển đường cao tốc Việt Nam (công trình đường dây 500 KV Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	7.870.932.623	
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng Điện	8.841.090.028	
Các khoản phải trả khác	4.883.206.652	4.527.109.491
Cộng	<u>85.402.303.898</u>	<u>53.879.166.110</u>

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	500.000.000	
Cộng	<u>1.000.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		<i>4.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng		4.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾</i>	<i>190.181.280.215</i>	<i>76.758.620.788</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	47.415.447.896	28.889.647.810
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	42.900.706.567	12.611.757.996
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	99.865.125.752	35.257.214.982
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>8.026.546.906</i>
Cộng	<u>193.781.280.215</u>	<u>88.785.167.694</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.758.620.788	273.016.058.063		(159.593.398.636)	190.181.280.215
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.000.000.000			(4.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	8.026.546.906		3.600.000.000	(8.026.546.906)	3.600.000.000
Cộng	<u>88.785.167.694</u>	<u>273.016.058.063</u>	<u>3.600.000.000</u>	<u>(171.619.945.542)</u>	<u>193.781.280.215</u>

Á
C
Á
C
EM
V

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	3.062.882.087	5.342.882.087
+ Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾	2.599.862.697	3.919.862.697
Cộng	<u>5.662.744.784</u>	<u>9.262.744.784</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.600.000.000	8.026.546.906
Trên 1 năm đến 5 năm	5.662.744.784	9.262.744.784
Cộng	<u>9.262.744.784</u>	<u>17.289.291.690</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.262.744.784	10.470.287.256
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(3.600.000.000)	(5.086.546.906)
Số cuối năm	<u>5.662.744.784</u>	<u>9.239.322.850</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	11.951.469.996
Tăng do trích lập	4.504.401.315
Số hoàn nhập	(11.747.308.623)
Số cuối năm	<u>4.708.562.688</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	30.367.610.176
Tăng do trích lập	8.365.739.337
Số cuối năm	<u>38.733.349.513</u>

981
H N
ON
NH
TOÁN
A
TÀI
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	211.930.505	857.266.612	(379.600.000)	689.597.117
Quỹ phúc lợi	679.017.525	857.266.612	(556.500.000)	979.784.137
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	890.948.030	2.214.533.224	(1.436.100.000)	1.669.381.254

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	55.674.562.431	36.436.160.964	242.008.301.018
Lợi nhuận trong năm trước			-	85.726.661.247	85.726.661.247
Trích lập các quỹ			11.572.504.525	(13.329.950.964)	(1.757.446.439)
Chia cổ tức năm trước			-	(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong năm nay				51.572.648.062	51.572.648.062
Trích lập các quỹ			60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
Chia cổ tức năm trước				(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay				(11.553.105.000)	(11.553.105.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	127.652.984.979	40.019.543.062	317.570.105.664

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 23 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 60.405.918.023
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	: 2.214.533.224

Theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2016, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ là 10% cho các cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt ngày 26 tháng 12 năm 2016, ngày thanh toán là ngày 06 tháng 01 năm 2017.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 95,76 USD (số đầu năm là 7.694,05 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	26.144.345.877	26.173.744.709
Doanh thu hợp đồng xây dựng	710.415.997.375	786.148.904.783
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	23.046.376.358	111.999.405.933
Cộng	<u>759.606.719.610</u>	<u>924.322.055.425</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

Q&A
NH
TY
HỮU
TU
C
MỘ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện	354.620.896.715	126.086.952.028
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	8.171.241.268	6.874.579.053
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	640.680.900.555	668.224.154.724
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	26.594.530.061	119.786.424.491
Cộng	<u>675.446.671.884</u>	<u>794.885.158.268</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	192.092.956	323.403.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.240.044.268	178.077.779
Lãi tiền cho vay	375.960.823	656.445.433
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.886.679.000	14.951.776.705
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.983.731	
Phí bảo lãnh	1.461.579.346	1.339.353.514
Cộng	<u>20.161.340.124</u>	<u>17.449.056.431</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.107.883.675	5.431.951.821
Phí bảo lãnh	3.912.206.061	5.513.977.437
Phí cam kết tín dụng	102.608.986	127.063.026
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(4.067.616.195)	10.322.561.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		1.201.421
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		141.033.220
Cộng	<u>6.055.082.527</u>	<u>21.537.788.330</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.506.871.931	29.704.471.261
Chi phí vật liệu quản lý	1.991.454.200	1.912.790.793
Chi phí đồ dùng văn phòng	344.799.393	291.575.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.913.526.641	1.907.650.374
Thuế, phí và lệ phí	536.828.289	349.683.666
Dự phòng phải thu khó đòi	7.059.643.538	(20.211.009.143)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.322.235.313	3.558.426.178
Các chi phí khác	7.671.508.594	6.517.618.333
Cộng	<u>49.346.867.899</u>	<u>24.031.207.213</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	344.493.096	333.980.431
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	11.747.308.623	
Tiền bán vật tư	-	151.771.440
Tiền bán điện	-	327.628.952
Thu nhập khác	98.184.705	2.188.176.352
Cộng	<u>12.189.986.424</u>	<u>3.001.557.175</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	1.937.250.411	604.708.633
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	172.116.861
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng	-	21.784.300
Xử lý công nợ		494.650.216
Xử lý vật tư bị mất	96.331.309	511.708.314
Chi phí khác	192.574.502	626.247.682
Cộng	<u>2.226.156.222</u>	<u>2.431.216.006</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.847.219.551	137.076.197.995
Chi phí nhân công	170.718.950.834	191.996.478.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.549.015.857	13.066.245.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.487.995.645	433.730.448.811
Chi phí khác	83.717.830.084	81.528.044.415
Cộng	<u>752.321.011.971</u>	<u>857.397.415.118</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mặt thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

H H H H H H



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	2.352.261.590	2.196.257.360
Phụ cấp	96.000.000	218.100.000
Cộng	<u>2.448.261.590</u>	<u>2.414.357.360</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắk Glei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ	519.673.643	31.818.182
Tiền lãi vay phải trả	19.512.411	22.650.368
Tiền thuê tài sản trên đất	160.000.000	
Phí bảo lãnh phải trả cơ quan Công ty		337.959.938
Dịch vụ do BĐH dự án Thủy điện Lai Châu cung cấp		58.787.111
Công ty Cổ phần Sông Đà 12		
Chi phí hoạt động xây dựng	4.141.886.268	
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà		
Chi phí xây lắp	49.174.887.777	4.480.308.001
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Doanh thu xây lắp thực hiện	4.061.527.091	

AAO
CHI
CÓ
TÁCH
IỂM T

T
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	710.415.997.375	49.190.722.235	759.606.719.610
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	710.415.997.375	49.190.722.235	759.606.719.610
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	69.735.096.820	14.424.950.906	84.160.047.726
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(49.346.867.899)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.813.179.827
Doanh thu hoạt động tài chính			20.161.340.124
Chi phí tài chính			(6.055.082.527)
Thu nhập khác			12.189.986.424
Chi phí khác			(2.226.156.222)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.310.619.564)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			51.572.648.062
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	32.448.095.507	2.246.775.494	34.694.871.001
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.171.783.598	3.921.036.712	11.092.820.310
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	14.509.267.633	457.169.421	14.966.437.054

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	786.148.904.783	138.173.150.642	924.322.055.425
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	786.148.904.783	138.173.150.642	924.322.055.425
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	117.924.750.059	11.512.147.098	129.436.897.157
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(24.031.207.213)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			105.405.689.944
Doanh thu hoạt động tài chính			17.449.056.432
Chi phí tài chính			(21.537.788.331)
Thu nhập khác			3.001.557.175
Chi phí khác			(2.431.216.006)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(16.160.637.967)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			85.726.661.247
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.532.736.092	1.329.306.369	8.862.042.461
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.694.778.968	2.240.255.112	14.935.034.080
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	25.139.722.400	7.290.910.034	32.430.632.434
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	309.710.456.439	47.413.471.797	357.123.928.236
Tài sản phân bổ cho bộ phận			436.496.466.701
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>793.620.394.937</u>
Tổng tài sản			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	214.238.256.827	35.430.594.429	249.668.851.256
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			226.381.438.017
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>476.050.289.273</u>
Tổng nợ phải trả			
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	323.229.056.210	53.976.137.735	377.205.193.945
Tài sản phân bổ cho bộ phận			367.937.375.886
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>745.142.569.831</u>

3-0
HÀ
G T
EM H
V VÀ
& C
HÀ
A -

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	263.443.576.816	37.877.475.149	301.321.051.965
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			140.950.212.040
Tổng nợ phải trả			<u>442.271.264.005</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	416.290.447.784	924.322.055.425
Khu vực nước ngoài	343.316.271.826	
Cộng	<u>759.606.719.610</u>	<u>924.322.055.425</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về tình hình tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con vay tiền. Các Công ty này hoạt động có hiệu quả và Công ty kiểm soát được khả năng thanh toán. Vì vậy rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

3/3
H. H. H.
T. U. H.
T. U. V.
H. O. I.
T. P. I.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

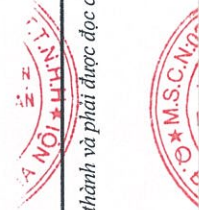
Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.376.737.626			168.376.737.626
Chứng khoán kinh doanh		14.476.266.000		14.476.266.000
Phải thu khách hàng	174.398.482.358		36.674.566.927	211.073.049.285
Các khoản cho vay	500.000.000			500.000.000
Các khoản phải thu khác	22.660.991.438		695.750.000	23.356.741.438
Cộng	365.936.211.422	14.476.266.000	37.370.316.927	417.782.794.349
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	170.531.208.177			170.531.208.177
Chứng khoán kinh doanh		17.749.000.000		17.749.000.000
Phải thu khách hàng	195.729.599.049		27.805.529.802	223.535.128.851
Các khoản cho vay	14.012.000.000			14.012.000.000
Các khoản phải thu khác	4.805.927.196			4.805.927.196
Cộng	385.078.734.422	17.749.000.000	27.805.529.802	430.633.264.224



Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	193.781.280.215	5.662.744.784	199.444.024.999
Phải trả người bán	53.147.632.432	7.783.336.738	60.930.969.170
Các khoản phải trả khác	69.004.068.671		69.004.068.671
Cộng	315.932.981.318	13.446.081.522	329.379.062.840
Số đầu năm			
Vay và nợ	88.785.167.694	9.262.744.784	98.047.912.478
Phải trả người bán	113.523.382.704	18.907.698.712	132.431.081.416
Các khoản phải trả khác	41.931.050.571		41.931.050.571
Cộng	244.574.686.385	28.170.443.496	272.410.044.465

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>(USD)</u>	<u>(USD)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	95,76	7.694,05
Các khoản phải trả khác		(100.000)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	95,76	(92.305,95)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản cho vay	500.000.000	14.012.000.000
Vay và nợ	(199.444.024.999)	(98.047.912.478)
Nợ phải trả thuần	(138.944.024.999)	(4.035.912.478)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.223.104.400 VND (cùng kỳ năm trước là không đáng kể).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 6.861.508.000 VND (số đầu năm là 5.833.610.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3815
HI NHÀ
CÔNG T
NHÌEM
TOÁN VÀ
A & C
TẠI HÀ
ĐÀ -

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.376.737.626	-	170.531.208.177	
Chứng khoán kinh doanh	14.476.266.000	(1.930.459.635)	17.749.000.000	(6.231.091.635)
Phải thu khách hàng	211.073.049.285	(31.550.267.520)	223.535.128.851	(24.490.623.982)
Các khoản cho vay	500.000.000	-	14.012.000.000	
Phải thu khác	23.356.741.438	(695.750.000)	4.805.927.196	
Cộng	417.782.794.349	(34.176.477.155)	430.633.264.224	(30.721.715.617)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	199.444.024.999	98.047.912.478
Phải trả người bán	60.930.969.170	132.766.166.832
Các khoản phải trả khác	69.004.068.671	41.931.050.571
Cộng	329.379.062.840	272.745.129.881

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

